

UBND QUẬN TÂN BÌNH  
TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 75... /PHI

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình.

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước - Quý 2/2024  
của Trường TH Phan Huy Ích

Trường TH Phan Huy Ích báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước theo:

- Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính V/v công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

**I. Tình hình công khai ngân sách:**

1. Trường TH Phan Huy Ích đã công khai dự toán thu chi ngân sách Quý 2/2024 theo Quyết định số ...../QĐ-PHI, ngày 01/07/2024 của Trường TH Phan Huy Ích.
2. Trường TH Phan Huy Ích đã thực hiện công khai ngân sách: (chi tiết theo biểu sau)

| TT | Tên đơn vị                                  | Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách                                     |                                                                                     |            |
|----|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    |                                             | Nội dung                                                                    | Hình thức                                                                           | Thời gian  |
| I  | Trường TH Phan Huy Ích                      |                                                                             |                                                                                     |            |
| 1  | Quyết định số ...../QĐ-PHI, ngày 01/07/2024 | Dự toán thu chi ngân sách Quý 2/2024<br><br>Biểu số 3 theo Thông tư 90/2018 | Dán bảng công khai tại phòng thông báo, trang cổng thông tin điện tử của nhà trường | 01/07/2024 |

**II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định:**

- Không có.

\* Nơi nhận:

- Như trên;
- KT;
- Lưu: VT.



HỆU TRƯỞNG

Đỗ Ngọc Đào



Số: 28 /QĐ-PHI

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH

#### V/v công bố công khai dự toán ngân sách - Quý 2/2024 của Trường TH Phan Huy Ích

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính V/v công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường TH Phan Huy Ích.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách - Quý 2/2024 của Trường TH Phan Huy Ích (đính kèm biểu số 3 của Thông tư 90/2018/TT-BTC).

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**\* Nơi nhận:**

- P. TCKH;
- P. GD;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Ngọc Đào**



(Biểu số 3, Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị : TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương : 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024.



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH - QUÝ 2/2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường TH Phan Huy Ích công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách - Quý 2/2024, như sau:

(ĐV tính: triệu đồng)

| STT | Nội dung                                        | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----|-------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                               | 3           | 4                     | 5                                   | 6                                                        |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí     |             |                       |                                     |                                                          |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                              |             |                       |                                     |                                                          |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại                |             |                       |                                     |                                                          |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                         |             |                       |                                     |                                                          |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                  |             |                       |                                     |                                                          |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                      |             |                       |                                     |                                                          |
| 1   | Chi quản lý hành chính                          |             |                       |                                     |                                                          |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ             |             |                       |                                     |                                                          |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề     | 21.137,85   | 4.840,16              | 22,90%                              | 136,23%                                                  |
| 3,1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: trong đó:       | 20.822,82   | 4.838,81              | 23,24%                              | 136,23%                                                  |
| -   | Nguồn 13                                        | 10.786,03   | 2.780,21              | 25,78%                              | 141,49%                                                  |
| -   | Nguồn 14                                        | 10.036,78   | 2.058,59              | 20,51%                              |                                                          |
| 3,2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên, trong đó: | 315,03      | 1,35                  | 0,43%                               | 135,00%                                                  |
| -   | Nguồn 12                                        | 315,03      | 1,35                  | 0,43%                               | 135,00%                                                  |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình          |             |                       |                                     |                                                          |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                              |             |                       |                                     |                                                          |
| 6   | Chi sự nghiệp kinh tế                           |             |                       |                                     |                                                          |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                 |             |                       |                                     |                                                          |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                 |             |                       |                                     |                                                          |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình           |             |                       |                                     |                                                          |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                  |             |                       |                                     |                                                          |

TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH





## CÔNG KHAI

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ 2/2024

|                                                                                        |          |   |                  |             |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|------------------|-------------|
| <b>A. Dự toán giao:</b>                                                                |          |   | <b>21.137,84</b> | triệu đồng. |
| - Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên                                      | Nguồn 13 | : | 10.786,03        | triệu đồng. |
| + Năm trước chuyển sang                                                                |          | : | -                | -           |
| + Giao đầu năm                                                                         |          | : | 10.786,03        | triệu đồng. |
| + Điều chỉnh trong năm                                                                 |          | : | -                | -           |
| - Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, Nghị Quyết 03                                | Nguồn 14 | : | 10.036,78        | triệu đồng. |
| + Năm trước chuyển sang                                                                |          | : | 333,98           | triệu đồng. |
| + Giao đầu năm                                                                         |          | : | 9.702,80         | triệu đồng. |
| + Điều chỉnh trong năm                                                                 |          | : | -                | -           |
| - Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí không thường xuyên                                | Nguồn 12 | : | 315,03           | triệu đồng. |
| + Năm trước chuyển sang                                                                |          | : | -                | -           |
| + Giao đầu năm                                                                         |          | : | 315,03           | triệu đồng. |
| + Điều chỉnh trong năm                                                                 |          | : | -                | -           |
| <b>B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN:</b>                                        |          |   | <b>4.840,16</b>  | triệu đồng. |
| <b>1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                             | Nguồn 13 |   | <b>2.780,21</b>  | triệu đồng. |
| - Tiền lương                                                                           | 6000     | : | 1.376,75         | triệu đồng. |
| - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng                         | 6050     | : | -                | -           |
| - Phụ cấp lương                                                                        | 6100     | : | 710,47           | triệu đồng. |
| - Tiền thưởng                                                                          | 6200     | : | -                | -           |
| - Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ)                                                | 6300     | : | 377,22           | triệu đồng. |
| - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân                                                | 6400     | : | 10,45            | triệu đồng. |
| - Thanh toán dịch vụ công cộng                                                         | 6500     | : | 116,37           | triệu đồng. |
| - Vật tư văn phòng                                                                     | 6550     | : | 22,76            | triệu đồng. |
| - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc                                                    | 6600     | : | 3,44             | triệu đồng. |
| - Công tác phí                                                                         | 6700     | : | 9,00             | triệu đồng. |
| - Chi phí thuê mướn                                                                    | 6750     | : | 136,56           | triệu đồng. |
| - Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng | 6900     | : | 13,20            | triệu đồng. |
| - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành                                          | 7000     | : | 4,00             | triệu đồng. |
| - Mua sắm tài sản vô hình                                                              | 7950     | : | -                | -           |
| <b>2. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                             | Nguồn 14 |   | <b>2.058,59</b>  | triệu đồng. |
| - Lương theo ngạch, bậc                                                                | 6001     | : | -                | -           |
| - Phụ cấp chức vụ                                                                      | 6101     | : | -                | -           |
| - Phụ cấp ưu đãi nghề                                                                  | 6112     | : | -                | -           |
| - Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc                                        | 6113     | : | -                | -           |
| - Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề                                 | 6115     | : | -                | -           |
| - Bảo hiểm xã hội                                                                      | 6301     | : | -                | -           |
| - Bảo hiểm y tế                                                                        | 6302     | : | -                | -           |
| - Kinh phí công đoàn                                                                   | 6303     | : | -                | -           |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                                                                 | 6304     | : | -                | -           |
| - Các khoản đóng góp khác                                                              | 6349     | : | -                | -           |
| - Chi khác (NQ 27/2022+NQ 08/2023)                                                     | 6449     | : | 2.058,59         | triệu đồng. |
| <b>3. Kinh phí không thường xuyên</b>                                                  | Nguồn 12 |   | <b>1,35</b>      | triệu đồng. |
| - Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ                                                        | 6105     | : | -                | -           |

|                                                      |      |   |                 |             |
|------------------------------------------------------|------|---|-----------------|-------------|
| - Phụ cấp ưu đãi nghề                                | 6112 | : | -               | -           |
| - Chi khác                                           | 6449 | : | 1,35            | triệu đồng. |
| - Thuê lao động trong nước                           | 6757 | : | -               | -           |
| - Chi mua hàng hóa, vật tư                           | 7001 | : | -               | -           |
| - Chi khác                                           | 7049 | : | -               | -           |
| <b>4. Kinh phí không thường xuyên (cấp sau 30/9)</b> |      |   | <b>Nguồn 15</b> | -           |

**C. Đánh giá:**

- Tổng chi NSNN Quý 2/2024 là: 4.840,16 triệu đồng, đạt 23,24% dự toán năm và 136,23% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13) : 2.780,21 triệu đồng, đạt 25,78% dự toán năm và 141,49% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân:

+ Do truy lãnh lương cho biên chế trong kỳ.

+ Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 14) : 2.058,59 triệu đồng, đạt 20,51% dự toán năm

Nguyên nhân:

+ Do chi CNTT theo NQ 08/2023, Quý 1/2024.

+ Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12) : 1,35 triệu đồng, đạt 0,43% dự toán năm và 135,00% so với cùng kỳ năm trước.

+ Do chi hỗ trợ YT trong kỳ (theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND, ngày 27/01/2015 của UBND TP.HCM)

**KẾ TOÁN**

  
Đoàn Thanh Hiếu Nghĩa

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

  
Đỗ Ngọc Đào